TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 3 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Ngọc Hà.

2. Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thùy N.** Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Bị đơn: Ông **Thạch Thanh T** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 nguyên đơn chị Lê Thị Thùy N trình bày:

Chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số I, ngày 02/7/2007.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T có 02 con chung tên Thạch Thị Tú P, sinh ngày 11/10/2007 và Thạch Gia B, sinh ngày 16/11/2014. Hiện nay, cháu Thạch Thị Tú P đang sống chung với chị Lê Thị Thùy N, còn cháu Thạch Gia B đang sống chung với ông Thạch Thanh T.

Thời gian đầu chung sống, chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, cách nay khoảng 4 năm thì giữa chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nên chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T đã không còn chung sống từ đó cho đến nay để mỗi người có thời gian suy nghĩ thêm và tự xem lại chính mình, nhưng cho đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Lê Thị Thùy N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Thanh T.

Về con chung: Do cháu Thạch Thị Tú P đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Thị Tú P đến tuổi trưởng thành, còn cháu Thạch Gia B đang sống chung với ông Thạch Thanh T, do đó chị đồng ý cho ông Thạch Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thạch Gia B đến tuổi trưởng thành để các con ổn định cuộc sống, còn về cấp dưỡng nuôi con thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp nếu cháu Thạch Gia B muốn sống chung với chị thì chị cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu Thạch Gia B, còn về cấp dưỡng nuôi cháu B thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Thạch Thanh T: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Thạch Thanh T, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Thạch Thanh T vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá

trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy N có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Đối với bị đơn ông Thạch Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy N đối với ông Thạch Thanh T, cho chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; về con chung: Giao cháu Thạch Thị Tú P cho chị Lê Thị Thùy N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Thạch Gia B cho ông Thạch Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: Do các bên không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Thị Thùy N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Thạch Thanh T; Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Thị Tú P đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Thạch Thanh T cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý giao cháu Thạch Gia B cho ông Thạch Thanh T nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy N có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Thạch Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số I, ngày 02/7/2007 cho nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và ông T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị N và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên chị N và ông T đã không còn chung sống với nhau, mỗi người ở một nơi, cả hai đã không còn quan tâm đến nhau**.** Chị N đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Thanh T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện cấp tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Thạch Thanh T nhưng ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, cũng không đến tham gia phiên tòa. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc chị N yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N và giải quyết cho chị N được ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T có 02 con chung tên Thạch Thị Tú P (Giới tính: Nữ), sinh ngày 11/10/2007 và Thạch Gia B (Giới tính: Nam), sinh ngày 16/11/2014. Chị Lê Thị Thùy N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Thị Tú P đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Thạch Thanh T cấp dưỡng nuôi con; chị đồng ý giao cháu Thạch Gia B cho ông Thạch Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay cháu Thạch Thị Tú P đang sống chung với chị Lê Thị Thùy N và có nguyện vọng được sống chung với mẹ, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu P nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao cháu Thạch Thị Tú P cho chị Lê Thị Thùy N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; còn cháu Thạch Gia B thì đang sống chung với ông Thạch Thanh T và chị N đồng ý giao cháu B cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao cháu Thạch Gia B cho ông Thạch Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Thùy N và ông Thạch Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thùy N trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thùy N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố

tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy N được ly hôn với ông Thạch Thanh T.

- Về con chung:

+ Giao cháu Thạch Thị Tú P (Giới tính: Nữ), sinh ngày 11/10/2007 cho chị Lê Thị Thùy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, ông Thạch Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Thùy N không yêu cầu.

+ Giao cháu Thạch Gia B (Giới tính: Nam), sinh ngày 16/11/2014 cho ông Thạch Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị Lê Thị Thùy N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Thạch Thanh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thùy N trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Thùy N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005301 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, chị Lê Thị Thùy N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được

tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam